

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	805.72	↑ 3.23	↑ 0.4
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	701.49	↑ 9.03	↑ 1.3
PVN ALLSHARE	682.87	↑ 8.67	↑ 1.29
PVN ALLSHARE HNX	564.8	↓ -2.95	↓ -0.52
PVN ALLSHARE HSX	738.19	↑ 11.22	↑ 1.54
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1139.13	↑ 20.29	↑ 1.81
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	845.07	↔ 0	↔ 0
PVN Tài Chính	611.06	↓ -2.26	↓ -0.37
PVN Công Nghiệp	466.75	↓ -7.63	↓ -1.61
PVN Dầu Khí	649.15	↑ 10.21	↑ 1.6
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	826.46	↑ 34.78	↑ 4.39

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	430.83 ↑	0.06	0.01%
KLGD (triệu ck)	26.76 ↓	-12.88	-32.49%
GTGD (tỷ đồng)	488.19 ↓	-480.42	-49.60%
Tổng cung (triệu ck)	119.81 ↓	-15.94	-11.74%
Tổng cầu (triệu ck)	123.22 ↓	-10.54	-7.88%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.81 ↓	-3.37	-65.08%
KL bán (triệu ck)	1.41 ↓	-3.47	-71.16%
Giá trị mua (tỷ đồng)	75.67 ↓	-374.54	-83.19%
Giá trị bán (tỷ đồng)	63.81 ↓	-381.11	-85.66%

Nhận định thị trường:

- Theo Cơ quan Thống kê Quốc gia Italia (ISTAT), nước này đã đạt thặng dư thương mại 2,5 tỷ EURO trong tháng 6, cải thiện mạnh so với mức thâm hụt 1,7 tỷ EUR trong cùng kỳ năm ngoái (2011).
- Trong tháng 7, sản xuất công nghiệp Mỹ tăng 0,6% so với tháng trước sau khi tăng 0,1% trong tháng 6. Nhìn chung, kinh tế Mỹ vẫn trong giai đoạn không rõ ràng về xu hướng với nhiều biến số trái chiều nhau. Với những con số tiến triển không tệ về sản xuất công nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp trong 2 tháng gần đây khiến giới đầu tư tiếp tục giảm bớt kỳ vọng vào khả năng FED đưa ra các chính sách kích thích kinh tế mới. Tình trạng tương tự xảy ra diện rộng khi mà chính phủ nhiều nước (trong đó có cả khối châu Âu) vẫn khá “im lìm”, và tỏ ra thận trọng, chưa đưa ra các biện pháp kích thích kinh tế trong 6 tháng cuối năm 2012.
- Theo nhận xét của Giám đốc khối TTTC ngân hàng ANZ, Chính phủ đang dần nới lỏng chính sách tài khoá và tiền tệ vào những tháng cuối năm nhằm chống lại tình trạng kinh tế suy giảm
- Theo báo cáo của NHNN, tuần từ 6/8 - 10/8, tổng doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong tuần bằng VND đạt xấp xỉ 113.863 tỷ đồng, bình quân khoảng 22.773 tỷ đồng/ngày; bằng USD quy đổi ra VND đạt 56.291 tỷ đồng, bình quân khoảng 11.258 tỷ đồng/ngày.

Công Ty CPCI Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Nhận định tóm tắt thị trường:

Về mặt kỹ thuật cũng như diễn biến giao dịch trên HSX, có vẻ như sức hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có chiều hướng yếu dần, đặc biệt là diễn biến thanh khoản và trạng thái kỹ thuật có phần tiêu cực trên nhóm cổ phiếu ngân hàng. Sự phân hóa trên HOSE vẫn tiếp diễn, các mã tăng mạnh tập trung chủ yếu vào các mã thuộc nhóm dầu khí và tín hiệu khởi đầu tỏ ra khá tích cực nhưng số cổ phiếu tăng giá chỉ là một số ít ỏi so với toàn thị trường. Thanh khoản trên cả hai sàn đều tiếp tục giảm mạnh, HNX-Index thậm chí còn chưa vượt qua được kênh dao động giảm (tại 70 điểm).. Nếu như không có thông tin tích cực tác động mạnh tới tâm lý thị trường thì trong ngắn hạn sẽ rất khó kỳ vọng vào sự tăng điểm đáng kể của chỉ số hai sàn.

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	69.94 ↓	-0.21	-0.30%
KLGD (triệu ck)	33.87 ↑	0.69	2.09%
GTGD (tỷ đồng)	315.69 ↑	20.59	6.98%
Tổng cung (triệu ck)	58.40 ↓	-0.15	-0.26%
Tổng cầu (triệu ck)	51.30 ↑	0.05	0.10%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.34 ↑	0.00	0.06%
KL bán (triệu ck)	1.28 ↓	-0.30	-19.01%
Giá trị mua (tỷ đồng)	4.52 ↑	1.78	64.75%
Giá trị bán (tỷ đồng)	18.66 ↑	4.56	32.32%



Đồ thị HNX-Index.

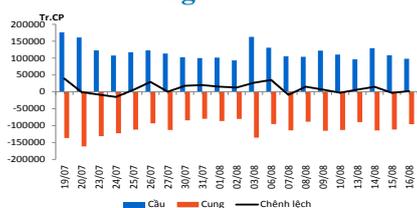
HNX-Index: thậm chí còn chưa phá vỡ khả năng về mô hình kì vọng “tam giác” trung gian xu thế giảm.

Trên hình vẽ (đồ thị), NĐT có thể thấy rằng việc giảm trở lại ngay ở vùng 70 điểm mang đến cho HNX-Index một mô hình kì vọng “không đẹp”, đó là mô hình tam giác với chiều cao đáng kể (mức giảm kì vọng nếu hoàn thiện mô hình từ 5 -7% trên chỉ số). Các công cụ kĩ thuật như MFI, VOLUME, chưa cho thấy tín hiệu nào tích cực hơn.

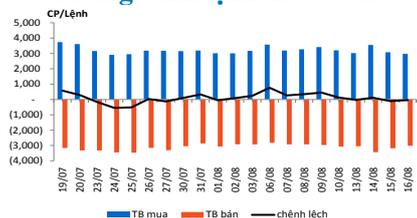
Chúng tôi cũng lưu ý tới nhà đầu tư rằng, với mức thanh khoản quanh mức dưới 30 triệu đơn vị/ phiên, NĐT không nên căn cứ vào các công cụ kĩ thuật mô tả chu kì dao động của chỉ số như Stochastic Oscillator, RSI, Momentum, Aroon Up/ down v.v... Các công cụ này chỉ có công dụng trong một giai đoạn sideways (ổn định) của thị trường với lượng giao dịch không cần cao nhưng đảm bảo mức ổn định bình thường (tức là không thuộc trạng thái đặc biệt). Ở HNX hiện tại, thanh khoản đã ở mức trạng thái đặc biệt (quá thấp, cạn kiệt), theo đó các tín hiệu ngắn hạn từ nhóm công cụ dao động chu kì về căn bản bị giảm độ tin cậy một cách đáng kể.

HSX:

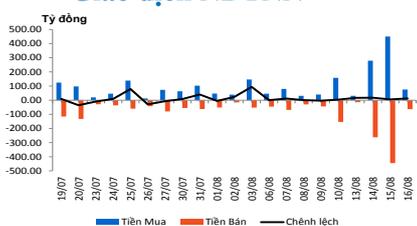
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

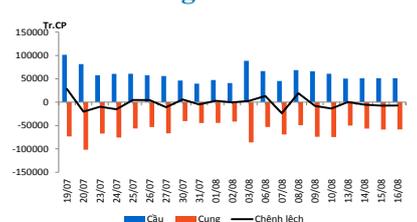
Mở cửa phiên giao dịch 16/08, thị trường vẫn giữ được sắc xanh ở cả hai sàn nhờ mức tăng nhẹ của một số mã cổ phiếu lớn lẫn nhỏ. PVF không còn tăng giá mạnh và giao dịch khởi sắc như phiên trước. VN-Index tăng nhẹ 0.81 điểm trong đợt khớp lệnh thứ nhất, tương ứng 0.19% lên 431.58 điểm. Giao dịch ở mức rất thấp với gần 900 ngàn đơn vị. Một số mã bluechips tăng giá nhẹ như VNM, SSI, VCB, GAS, DPM... tạo nên lực đỡ chính cho chỉ số. Trong khi đó hầu hết các bluechips còn lại đứng giá hoặc giảm nhẹ như BVH, EIB...

Sàn HOSE, giao dịch linh xình và giằng co suốt buổi sáng. Cuối buổi, do thiếu lực đỡ từ VNM và một vài trụ cột khác như VIC, VCB, PVF, MBB, STB... khiến VN-Index mất nhẹ 0.95 điểm, ứng với 0.22% tạm dừng ở 429.82 điểm. Giao dịch ở mức rất thấp với 16.4 triệu đơn vị, tương đương 309 tỷ đồng.

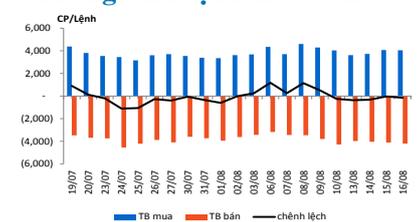
Những phút cuối phiên, VN-Index tăng nhẹ nhờ sự khởi sắc của một vài mã cổ phiếu lớn, tuy nhiên mức tăng ít ỏi cùng lượng giao dịch thấp không khỏi làm nhà đầu tư lo ngại. Khép phiên, VN-Index chỉ nhích nhẹ 0.06 điểm chốt phiên tại 430.83 điểm. Tính chung cả phiên, sàn HOSE chỉ có 26.76 triệu đơn vị, tương đương 488 tỷ đồng, giảm rất mạnh so với phiên trước.

HNX:

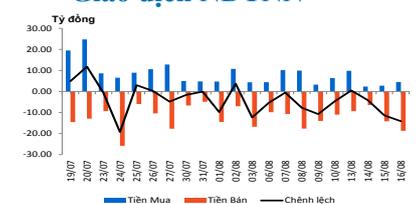
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường Hà Nội:

Đầu phiên, sàn HNX cũng chỉ nhích nhẹ trên ngưỡng 70 điểm, nhưng giao dịch đạt khá với 3.2 triệu đơn vị, trị giá 27.34 tỷ đồng. Đây là phiên giao dịch cuối cùng của HBB trước chính thức hủy niêm yết để thực hiện hóa đổi với SHB. PVX dù công bố lỗ hợp nhất hơn 260 tỷ đồng trong quý 2 nhưng giao dịch vẫn bình thường và duy trì ở mức tham chiếu. Những trụ cột của sàn này như VND, VCG, KLS... đều có giao dịch tương tự. SHB giảm giá 1% xuống 9,200 đồng/cp. Tuy nhiên, chỉ vài phút sau đó, HNX-Index đảo chiều giảm giá nhẹ khi giao dịch trở nên ảm đạm dần, các mã trụ cột đều không thể tăng và chỉ linh xình quanh mức tham chiếu. Giao dịch chỉ đạt hơn 4 triệu đơn vị tính đến 9h30. HNX-Index cuối buổi mất 0.17 điểm, tương ứng 0.24% xuống 69.98 điểm. Thanh khoản chỉ đạt hơn 19 triệu đơn vị, trị giá 191 tỷ đồng, trong đó HBB có số lượng chuyển nhượng nhiều nhất với hơn 3.3 triệu đơn vị.

Cuối phiên, HNX-Index không thể lấy lại ngưỡng 70 điểm mà đành ngậm ngùi giảm 0.21 điểm, tương ứng 0.3% lùi về 69.94 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản lại nhích nhẹ so với phiên trước, đạt 33.88 triệu đơn vị, tương ứng gần 316 tỷ đồng. Các mã chủ chốt thay vì đứng yên như buổi sáng thì một số mã lại đảo chiều giảm trước áp lực bán như PVX, SCR, VCG, BVS, DCS, DBC.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 12 cổ phiếu đứng giá, 5 mã giảm giá và 11 mã tăng giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVG (tăng 5,5%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,5% và tổng khối lượng giao dịch đạt 8,412 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 16/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,200.0	100	↓ -5.45	0.46	14.05	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,100.0	1,100	↑ 3.33	0.30	28.18	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,200.0	94,800	→ 0.00	0.25	0.41	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,700.0	672,500	↑ 0.98	1.70	1.38	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,000.0	25,500	→ 0.00	0.83	5.70	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,100.0	-	→ 0.00	0.47	2.82	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,100.0	18,900	→ 0.00	0.50	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,700.0	78,020	↑ 1.38	0.88	2.20	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,700.0	9,200	→ 0.00	1.87	4.89	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,500.0	895,500	↑ 5.50	0.74	8.27	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,700.0	9,828	↑ 0.60	0.72	8.43	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,200.0	1,500	↓ -1.89	0.50	2.44	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,200.0	407,300	→ 0.00	1.28	4.06	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,200.0	2,600,799	↓ -2.38	0.36	3.08	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	40,100.0	713,090	↑ 1.78	3.24	12.85	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	39,300.0	1,030,430	↑ 1.81	2.35	6.35	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	29,200.0	298,060	↑ 4.66	1.34	3.55	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,100.0	12,110	→ 0.00	0.61	5.18	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,000.0	86,700	→ 0.00	0.68	2.96	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	42,100.0	277,320	↑ 4.99	2.06	5.95	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,200.0	84,040	→ 0.00	0.41	3.26	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,400.0	241,490	↑ 1.18	1.16	6.76	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,400.0	562,740	↓ -0.80	1.09	15.70	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,100.0	174,540	↓ -1.92	0.52	46.36	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,100.0	10,790	→ 0.00	0.58	4.07	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,800.0	22,060	→ 0.00	0.43	2.50	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,700.0	70,140	↑ 1.90	0.81	3.21	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,500.0	13,520	↓ -1.79	0.50	3.62	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	38,600	39,300	1.81	40,503,734
GAS	39,400	40,100	1.78	28,567,474
EIB	20,100	20,100	0.00	24,055,045
FPT	46,100	45,800	-0.65	23,812,873
SSI	20,900	20,800	-0.48	14,847,190

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
HBB	5,200	5,200	0.00	50,501
VND	11,200	11,200	0.00	26,943
PVX	8,400	8,200	-2.38	21,651
KLS	10,200	10,200	0.00	21,323
SHB	9,300	9,300	0.00	17,391

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,600	1,700	100	6.25
PGD	40,100	42,100	2,000	4.99
SSC	30,400	31,900	1,500	4.93
VTF	26,500	27,800	1,300	4.91
HDC	16,700	17,500	800	4.79

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
V11	1,000	1,100	100	10.00
TAG	24,600	26,300	1,700	6.91
TET	12,000	12,800	800	6.67
MKV	9,000	9,600	600	6.67
CVN	10,500	11,200	700	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
RIC	6,100	5,800	-300	-4.92
KAC	12,300	11,700	-600	-4.88
HTV	14,400	13,700	-700	-4.86
SFC	24,900	23,700	-1,200	-4.82
LCM	22,900	21,800	-1,100	-4.80

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HLY	13,000	12,100	-900	-6.92
HAD	29,000	27,000	-2,000	-6.90
SDU	5,800	5,400	-400	-6.90
QTC	20,400	19,000	-1,400	-6.86
VTV	8,800	8,200	-600	-6.82

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNM	30,000	VNM	30,000
GAS	11,788	FPT	8,963
FPT	9,085	PVD	6,092
VIC	6,233	DPM	2,495
MBB	3,378	GAS	2,085

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	1,133	DBC	3,993
LAS	827	PLC	2,571
DBC	583	PVS	2,446
THT	325	PGS	2,074
PVS	306	PVX	1,341

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339